CTCP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV (HNX: TD6)

FireAnt

Ngày 30/09/2025	7,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-7.1%**	**-1.5%**

Q3/25

ROE #VALUE! #VALUE!

Q3/25

DT thuần 794 *tỷ VNĐ*

QoQ
▼ 789
▼ 49.9%

9T 2025

DT thuần 4,065 *tỷ VNĐ*

Q3/25

LN gộp 96.0 *tỷ VNĐ*

QoQ
▼ 17.0
▼ 15.0%

9T 2025

LN gộp 274 *tỷ VNĐ*

Q3/25

LN thuần 7.54 *tỷ VNĐ*

QoQ
▲ 6.90
▲ 1078%

9T 2025

LN thuần 18.8 *tỷ VNĐ*

Q3/25

LN sau thuế 8.34 *tỷ VNĐ*

QoQ
▲ 2.55
▲ 44.0%

9T 2025

LN sau thuế 20.2 *tỷ VNĐ*

Kết quả kinh doanh

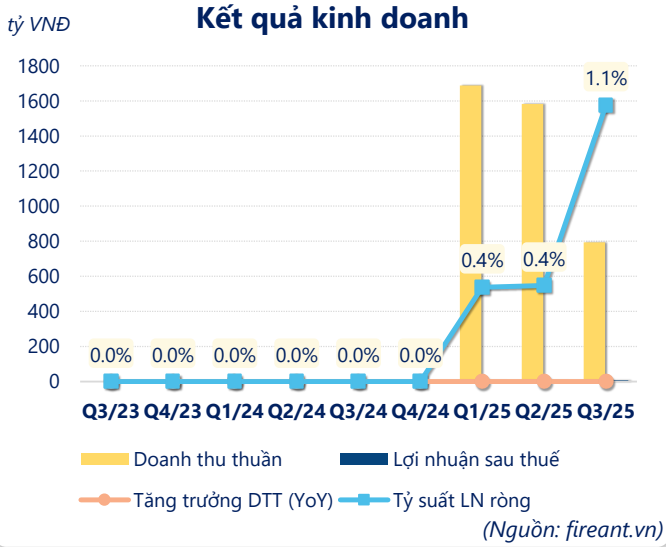

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

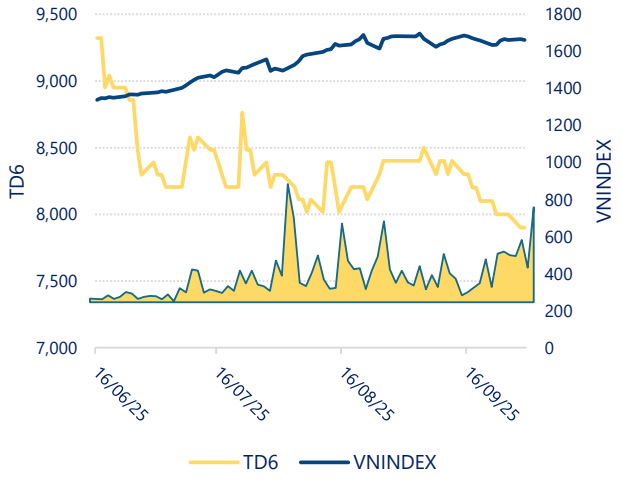

CTCP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV (HNX: TD6)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

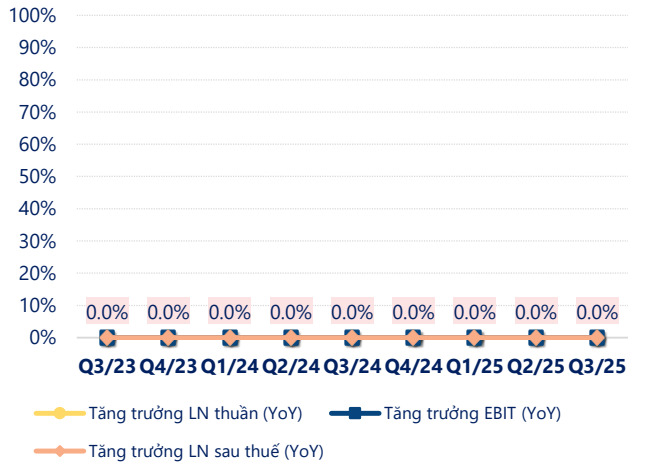

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

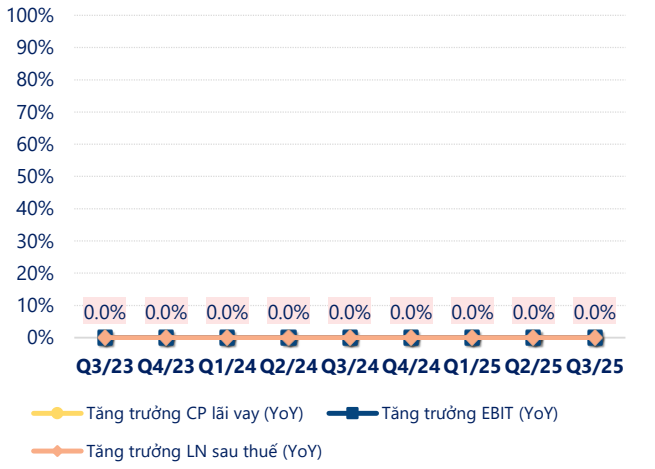

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

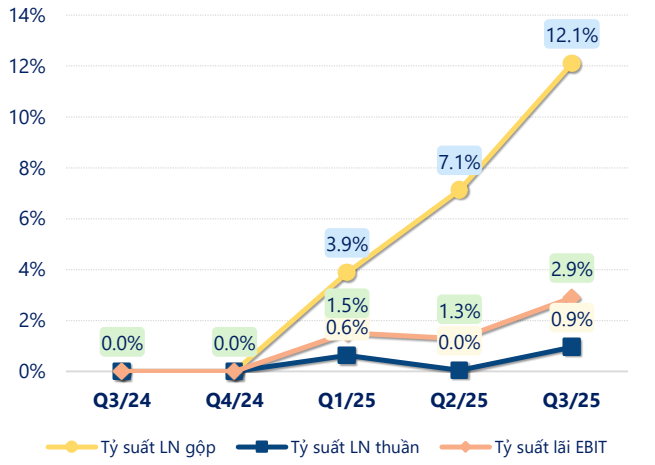

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

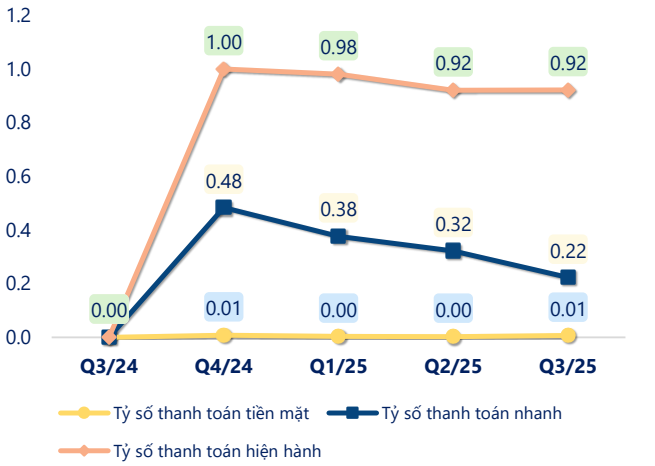

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

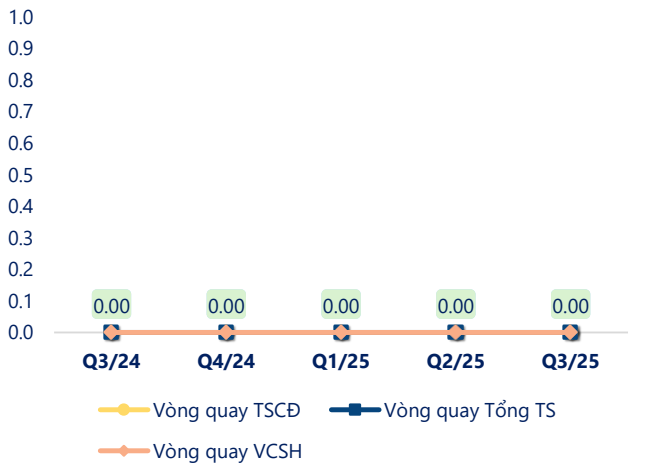

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

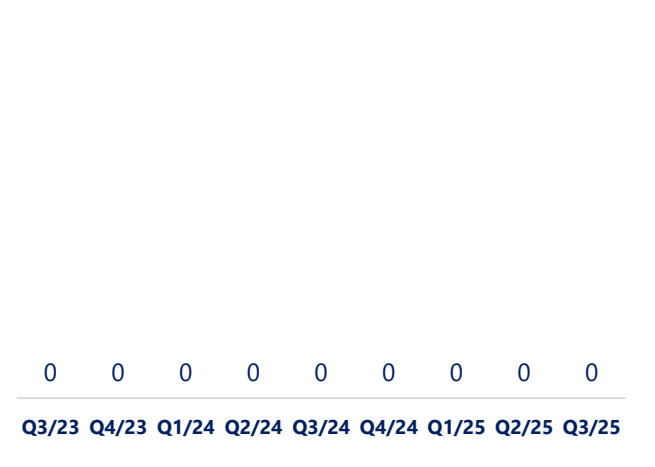

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV (HNX: TD6)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**794**			**4,065**		
Giá vốn hàng bán	698			3,791		
Lợi nhuận gộp	96.0			274		
Doanh thu HĐTC	0.03			3.69		
Chi phí TC	12.7			41.4		
Chi phí lãi vay	12.7			41.4		
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**		
Chi phí bán hàng	0.79			3.16		
Chi phí QLDN	**75.0**			**215**		
LN thuần từ HĐKD	7.54			18.8		
Lợi nhuận khác	**2.70**			**8.57**		
LN trước thuế	10.2			27.4		
Lợi nhuận sau thuế	**8.34**			**20.2**		
LNST của CĐ cty mẹ	**8.34**			**20.2**		

(Nguồn: fireant.vn)

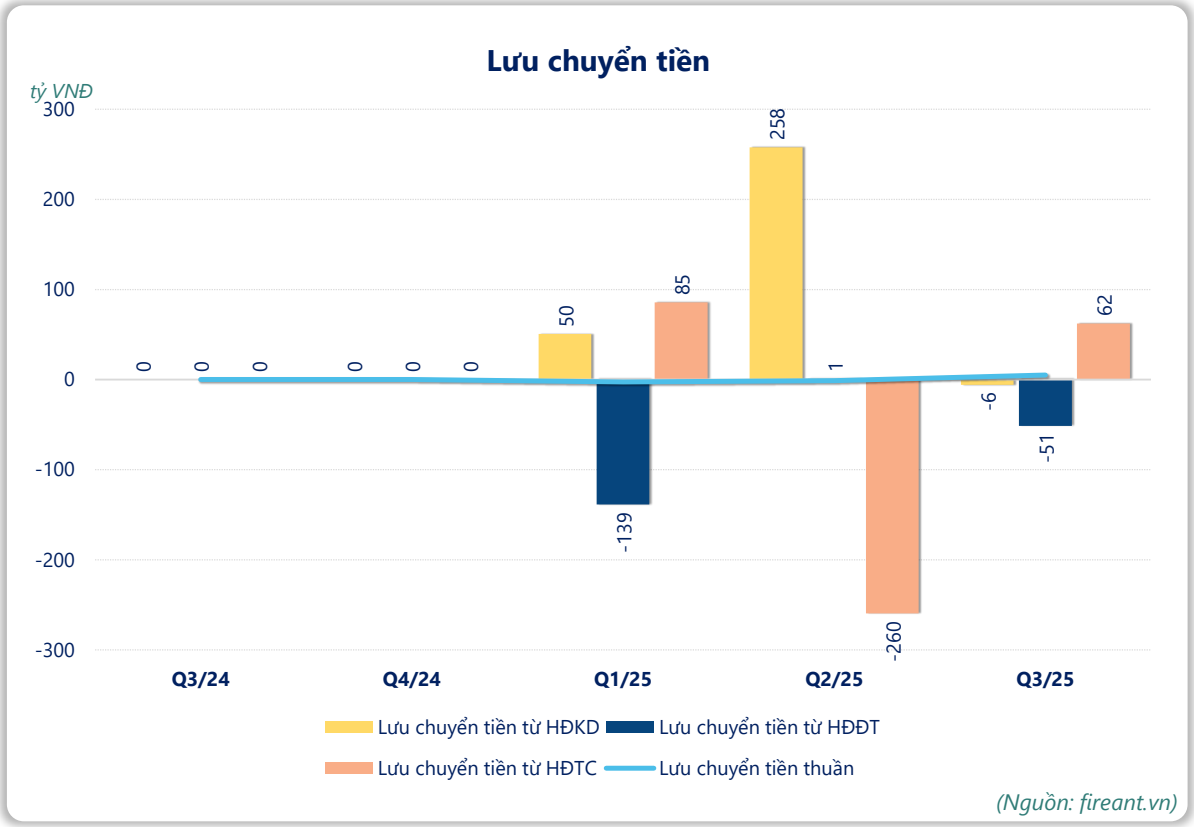

(Nguồn: fireant.vn)